TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 227/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/07/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lập

Bà Vạn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2026/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Linh H, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt ngày 09/7/2026). Địa chỉ: ấp C (nay là ấp T), xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q (nay là ấp Q), xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày: Chị H và anh H1 chung sống vào tháng 01/2019, hôn nhân tự nguyện được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh H1 thờ ơ lạnh nhạt không quan tâm đến vợ con, chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho từ tháng 6/2025 và anh chị đã ly thân từ thời gian này cho đến nay, chị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung tên Lê Thị Trúc V, sinh ngày 22/11/2024, cháu V đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2020 tại UBND xã T (nay là xã T) nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo chị H trình bày do anh H1 thờ ơ lạnh nhạt không quan tâm đến vợ con, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay. Anh H1 không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H là đã từ bỏ quyền lợi. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh H1 ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung tên Lê Thị Trúc V, sinh ngày 22/11/2024 đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V. Hội đồng xét xử xét thấy cháu V đang sống với chị H, cuộc sống của cháu ổn định, sức khỏe bình thường. Do vậy tiếp tục giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Xét thấy, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là nhằm

bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tiền cấp dưỡng là chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập, anh H1 không có ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của cháu V thống nhất buộc anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng cho đến khi Lê Thị Trúc V đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh H1 phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Linh H.

1.1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Linh H được ly hôn với anh Lê Văn H1.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Trúc V, sinh ngày 22/11/2024 cho chị Võ Thị Linh H tiếp tục nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thị Trúc V mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng cho đến khi Lê Thị Trúc V đủ 18 (mười tám) tuổi.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Linh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Chị Võ Thị Linh H phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004380 ngày 12 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị H đã nộp xong.

- Anh Lê Văn H1 phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

3. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung